



TRẦN VĂN THẮNG (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
DƯƠNG THỊ THUỶ NGÀ – HOÀNG THỊ THỊNH – MAI THU TRANG

Giáo dục công dân

6
SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

TRẦN VĂN THẮNG (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
DƯƠNG THỊ THUYẾT NGÀ – HOÀNG THỊ THỊNH – MAI THU TRANG

Giáo dục công dân

SÁCH GIÁO VIÊN

6

Cánh Diều



**NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH**

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN THỨ NHẤT	3
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN	
PHẦN THỨ HAI	21
HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ	
Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	21
Bài 2: Yêu thương con người	27
Bài 3: Siêng năng, kiên trì	33
Bài 4: Tôn trọng sự thật	39
Bài 5: Tự lập	44
Bài 6: Tự nhận thức bản thân	52
Bài 7: Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ con người	60
Bài 8: Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên	67
Bài 9: Tiết kiệm	74
Bài 10: Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	82
Bài 11: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam	87
Bài 12: Quyền trẻ em	94

PHẦN THỨ NHẤT

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

I – MỤC TIÊU MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

1. Mục tiêu

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn Giáo dục công dân (GDCC) được thực hiện ở ba cấp học: Ở cấp Tiểu học gọi là môn Đạo đức; ở cấp Trung học cơ sở (THCS) gọi là môn GDCC; ở cấp Trung học phổ thông gọi là môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Mục tiêu của môn GDCC ở cấp THCS nhằm:

a) Giúp học sinh (HS) có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống.

b) Giúp HS có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

Môn GDCC nhằm góp phần hình thành và phát triển cho HS năm phẩm chất chủ yếu, được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm ở mức độ phù hợp với lứa tuổi HS từng lớp.

Môn GD&CD có ba năng lực đặc thù là: năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội. Các năng lực đặc thù này là biểu hiện đặc thù của các năng lực chung và năng lực khoa học đã được nêu trong Chương trình tổng thể.

Chương trình môn GD&CD quy định yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù này đối với HS THCS như sau:

Năng lực điều chỉnh hành vi

** Nhận thức chuẩn mực hành vi*

- Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.
- Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lý, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.
- Nhận biết được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.
- Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lý tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.

** Đánh giá hành vi của bản thân và người khác*

- Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.
- Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.
- Đánh giá được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm và thái độ của đối tượng giao tiếp; khả năng và nguyện vọng của bản thân, khả năng của các thành viên trong nhóm hợp tác.

** Điều chỉnh hành vi*

- Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.
- Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và phù hợp với lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn tiêu lãng phí, nghịch ngợm, càn quấy, không làm những việc xấu (bạo lực học đường, mắc tệ nạn xã hội,...); biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng đến các giá trị xã hội.
- Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

- Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước; bước đầu biết quản lí tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí.

Năng lực phát triển bản thân

** Tự nhận thức bản thân*

Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

** Lập kế hoạch phát triển bản thân*

- Xác định được lí tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.
- Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau THCS với sự tư vấn của thầy cô giáo và người thân.

** Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân*

- Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.
- Thực hiện được việc quản lí và chi tiêu tiền hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.

Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội

** Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội*

- Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật.
- Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống và kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
- Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

** Tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội*

- Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề về đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.
- Hình thành, duy trì được mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh và thích ứng được với xã hội biến đổi.
- Nêu được tình huống có vấn đề; hình thành được ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
- Biết lắng nghe tích cực trong giao tiếp; đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

II – NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

1. Cấu trúc nội dung chương trình môn Giáo dục công dân lớp 6

Nội dung chương trình môn GD CD lớp 6 nằm trong cấu trúc tổng thể của Chương trình môn GD CD ở THCS, tập trung vào 4 lĩnh vực: Giáo dục đạo đức, Giáo dục kỹ năng sống, Giáo dục kinh tế, Giáo dục pháp luật.

Giáo dục đạo đức gồm 5 chủ đề:

- Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ;
- Yêu thương con người;
- Siêng năng, kiên trì;
- Tôn trọng sự thật;
- Tự lập.

Thời lượng dành cho Giáo dục đạo đức là 35% tổng số tiết học.

Giáo dục kỹ năng sống gồm 2 chủ đề:

- Tự nhận thức bản thân;
- Ứng phó với các tình huống nguy hiểm.

Thời lượng dành cho Giáo dục kỹ năng sống là 20% tổng số tiết học.

Giáo dục kinh tế gồm 1 chủ đề: Tiết kiệm.

Thời lượng dành cho Giáo dục kinh tế là 10% tổng số tiết học.

Giáo dục pháp luật gồm 2 chủ đề:

- Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Quyền trẻ em.

Thời lượng dành cho Giáo dục pháp luật là 25% tổng số tiết học.

2. Nội dung cụ thể của chương trình

Nội dung chủ đề	Bài học	Yêu cầu cần đạt
Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	Bài 1. Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	– Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ. – Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. – Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể, phù hợp.

Yêu thương con người	Bài 2. Yêu thương con người	– Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người. – Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người. – Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người. – Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương con người của người khác. – Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người.
Siêng năng, kiên trì	Bài 3. Siêng năng, kiên trì	– Nêu được khái niệm và biểu hiện của siêng năng, kiên trì. – Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì. – Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và trong cuộc sống hằng ngày. – Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, hay nản lòng để khắc phục hạn chế này.
Tôn trọng sự thật	Bài 4. Tôn trọng sự thật	– Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. – Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật. – Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. – Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật.
Tự lập	Bài 5. Tự lập	– Nêu được khái niệm tự lập. – Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập. – Hiểu vì sao phải tự lập. – Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác. – Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác.

Tự nhận thức bản thân	Bài 6. Tự nhận thức bản thân	– Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân. – Nhận biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. – Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân. – Biết tôn trọng bản thân. – Xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân.
Ứng phó với các tình huống nguy hiểm	Bài 7. Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ con người	– Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của các tình huống nguy hiểm từ con người. – Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ con người. – Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm từ con người để đảm bảo an toàn.
	Bài 8. Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên	– Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên. – Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên. – Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên để đảm bảo an toàn.
Tiết kiệm	Bài 9. Tiết kiệm	– Nêu được khái niệm tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm (tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước,...). – Hiểu vì sao phải tiết kiệm. – Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập. – Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và của những người xung quanh. – Phê phán những biểu hiện lãng phí.

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Bài 10. Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	– Nêu được khái niệm công dân. – Nêu được căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
	Bài 11. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	– Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. – Bước đầu thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
Quyền trẻ em	Bài 12. Quyền trẻ em	– Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em; ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em. – Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em.

III – TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

1. Sách và tài liệu

a) Sách giáo khoa

Sách giáo khoa (SGK) là tài liệu chính và quan trọng nhất của giáo viên (GV) và HS để dạy và học trong nhà trường phổ thông. SGK là phương tiện nhằm cụ thể hoá các mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phương pháp của Chương trình giáo dục phổ thông.

SGK môn GD CD được biên soạn trên cơ sở chương trình môn GD CD, cụ thể hoá mỗi chủ đề trong chương trình mỗi lớp học thành nội dung bài học. Chương trình được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS, nên SGK được biên soạn để HS, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV, tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực, chủ động và sáng tạo. Thông qua các hoạt động học tập, HS từng bước được hình thành các năng lực đặc thù cũng như các năng lực chung của môn học.

Mỗi bài học trong SGK được thiết kế theo một cấu trúc thống nhất, gồm các phần:

Khởi động: nhằm thu hút HS, tạo tâm thế cho HS chuẩn bị vào bài học mới.

Khám phá: nội dung phần Khám phá không cung cấp sẵn kiến thức cho HS, mà thiết kế thành các hoạt động học tập, thông qua đó, với sự hướng dẫn, hỗ trợ của GV, HS được trải nghiệm, với các câu hỏi khai thác nội dung thông tin, tình huống, hình ảnh,... để tự khám phá, phát hiện, tự hình thành nên kiến thức bài học cho mình.

Luyện tập: gồm các bài tập tự luận, tình huống,... nhằm củng cố, rèn luyện HS theo các nội dung đã được thực hiện trong phần *Khám phá*, tạo điều kiện cho HS tăng cường rèn luyện, để hình thành, phát triển các năng lực cần thiết theo yêu cầu của mỗi bài học; đồng thời, rèn luyện cho học sinh các kỹ năng: phân tích, nhận xét đánh giá, so sánh,...

Vận dụng: nhằm tạo điều kiện cho HS thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học vào đời sống thực tiễn ở trong giờ học cũng như ngoài giờ học, thông qua các bài tập, yêu cầu vận dụng.

b) Sách giáo viên

Sách giáo viên (SGV) là tài liệu dành riêng cho GV, là tài liệu hướng dẫn GV về mục tiêu và nội dung chương trình, phương tiện, phương pháp, tài liệu dạy học và cách tổ chức dạy học từng bài học trong Chương trình môn GD&CD lớp 6.

c) Các tài liệu khác

Ngoài SGK và SGV môn GD&CD lớp 6 còn có một số sách bổ trợ, sách tham khảo khác thuộc bộ sách *Cánh Diều*, hỗ trợ GV và HS trong quá trình tổ chức dạy học. Các tài liệu này được biên soạn, xuất bản nhằm đáp ứng nhu cầu thiết thực của việc dạy học môn GD&CD lớp 6; giúp HS lớp 6 và GV thuận lợi hơn trong tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng thiết kế các bài tập, hoạt động thực hành, bổ sung cho các bài tập, hoạt động thực hành trong SGK GD&CD 6 *Cánh Diều*. HS có thể thực hiện các bài tập điền ngay vào sách, thay vì điền, viết vào SGK.

Sử dụng các tài liệu bổ trợ, tham khảo, HS sẽ được luyện tập nhiều hơn, qua đó củng cố nội dung bài học, nhất là HS được thực hành, vận dụng nhiều hơn vào thực tiễn cuộc sống. Các sách bổ trợ SGK và sách tham khảo của SGK *Cánh Diều* bao gồm:

- Bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Vở bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Truyện đọc *Giáo dục công dân 6*.

2. Thiết bị, phương tiện dạy học

Dạy học môn GD&CD theo định hướng phát triển năng lực HS đòi hỏi phải tăng

cường sử dụng các thiết bị, phương tiện dạy học, nhằm tạo nội dung, hình ảnh trực quan sinh động, tăng tính hấp dẫn, hứng thú cho HS khi tham gia vào bài học. Các thiết bị, phương tiện sử dụng trong giờ học GD&CD có thể là:

- Tranh ảnh;
- Các bảng biểu, sơ đồ, mô hình;
- Máy trình chiếu, băng hình, video clip;
- Phiếu học tập;
- Giấy khổ lớn;
- Đồ dùng để thực hiện trò chơi;
- ...

IV – PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

Có thể sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau trong quá trình dạy học môn GD&CD lớp 6. Dưới đây là một số phương pháp dạy học phổ biến, có tác dụng phát huy tính tích cực học tập, giúp HS phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học.

1. Phương pháp làm việc nhóm

a) Đặc điểm

Phương pháp làm việc nhóm là phương pháp tổ chức cho HS hoạt động theo những nhóm nhỏ để HS cùng thực hiện một nhiệm vụ cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định. Trong quá trình làm việc, có sự kết hợp giữa làm việc cá nhân với làm việc theo cặp, theo nhóm để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Phương pháp làm việc nhóm có tác dụng phát triển cho HS năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực tư duy phê phán,...

b) Cách thực hiện

- GV nêu nhiệm vụ học tập hoặc vấn đề cần tìm hiểu và phương pháp học tập cho cả lớp.
- Chia HS thành các nhóm học tập và phân công vị trí làm việc cho các nhóm. Tùy theo nhiệm vụ, quy mô nhóm có thể khác nhau.
- Giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HS. Mỗi nhóm có thể thực hiện một nhiệm vụ riêng biệt trong gói nhiệm vụ chung hoặc tất cả các nhóm đều thực hiện cùng một nhiệm vụ. Cần quy định thời gian làm việc và sản phẩm cần đạt của mỗi nhóm.

- Hướng dẫn hoạt động của nhóm HS: Nhóm trưởng điều khiển hoạt động, HS làm việc cá nhân, theo cặp, theo nhóm, chia sẻ kinh nghiệm, thảo luận và thống nhất kết quả chung, thư kí ghi chép kết quả làm việc nhóm, phân công đại diện trình bày kết quả trước lớp.
- GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận giải quyết nhiệm vụ được giao.
- Đại diện từng nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe, chất vấn, bình luận và bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét và tổng kết.

c) Ví dụ minh họa

- Khi dạy bài “Yêu thương con người”, GV có thể tổ chức cho HS làm việc nhóm, quan sát 6 hình ảnh trong mục 2, trang 11 để mô tả nội dung và đặt tên cho từng bức hình trên và nêu các biểu hiện của yêu thương con người và biểu hiện chưa yêu thương con người.
- Tổ chức cho HS làm việc nhóm theo các câu hỏi, yêu cầu:
 - + *Em hãy mô tả nội dung và đặt tên cho từng bức hình trên.*
 - + *Hãy nêu các biểu hiện của yêu thương con người và biểu hiện chưa yêu thương con người.*

d) Một số lưu ý

- Chỉ sử dụng phương pháp làm việc nhóm để giải quyết những nhiệm vụ học tập khó, đòi hỏi sự tham gia của nhiều thành viên.
- Có nhiều cách chia nhóm. Quy mô nhóm có thể lớn hoặc nhỏ, tùy theo điều kiện lớp học và tùy theo nhiệm vụ của nhóm. Không nên chia nhóm quá đông để tránh tình trạng một số HS ỷ lại, không tham gia hoạt động.
- Mỗi nhóm nên có một nhóm trưởng để điều khiển và một thư kí để ghi biên bản thảo luận nhóm. HS cần được luân phiên nhau làm “nhóm trưởng”, “thư kí” cũng như luân phiên đại diện cho nhóm để trình bày kết quả thảo luận.
- Nhiệm vụ giao cho nhóm HS phải phù hợp với chủ đề bài học, với khả năng của HS lớp 6, phù hợp với thời lượng và cơ sở vật chất, trang thiết bị của lớp học.
- Nhiệm vụ của mỗi nhóm có thể giống hoặc khác nhau.
- Các thành viên trong nhóm phải nắm vững nhiệm vụ của nhóm và của bản thân. Mỗi cá nhân đều được phân công trách nhiệm thực hiện một phần của công việc và tích cực làm việc để đóng góp vào kết quả chung. Tránh tình trạng chỉ nhóm trưởng và thư kí làm việc.

- Khi trao đổi, chia sẻ, thảo luận nhóm, các thành viên đều phải tuân theo sự điều khiển của nhóm trưởng, lắng nghe ý kiến của bạn trong nhóm và mạnh dạn chia sẻ suy nghĩ, ý tưởng của bản thân.
- Cách trình bày kết quả hoạt động nhóm có thể theo nhiều hình thức (bằng lời, bằng tranh vẽ, bằng tiểu phẩm, bằng văn bản viết,...; có thể do một người thay mặt nhóm trình bày hoặc có thể do nhiều người trình bày, mỗi người một đoạn nối tiếp nhau).
- GV phải theo dõi các nhóm HS hoạt động, khuyến khích và hỗ trợ các em khi cần thiết.
- HS cần được tự đánh giá kết quả hoạt động của nhóm mình và đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.

2. Phương pháp xử lý tình huống

a) Đặc điểm

Phương pháp xử lý tình huống là phương pháp tổ chức cho HS xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống thực tiễn và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong thực tiễn.

Phương pháp xử lý tình huống giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo.

b) Cách thực hiện

- GV nêu tình huống và hướng dẫn HS nhận dạng, xác định tình huống:
 - + Tình huống xảy ra ở đâu?
 - + Tình huống xảy ra khi nào?
 - + Tình huống xảy ra với ai?
 - + Vấn đề cần giải quyết là gì?
- GV giao nhiệm vụ xử lý tình huống cho HS/nhóm HS và hướng dẫn các em các bước để xử lý tình huống:
 - + Thu thập thông tin có liên quan đến tình huống đặt ra;
 - + Liệt kê/phán đoán các cách giải quyết có thể có;
 - + Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết;
 - + So sánh kết quả các cách giải quyết;
 - + Lựa chọn cách giải quyết tối ưu.
- HS/các nhóm HS làm việc, thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Một số HS/đại diện nhóm HS trình bày kết quả.
- GV tổng kết các ý kiến của HS và định hướng cho các em cách giải quyết phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy mục 2, bài 4 “Tôn trọng sự thật”, GV có thể tổ chức cho HS xử lý tình huống sau:

Mai và Thảo cùng học lớp 6C do Mai làm lớp trưởng. Hai bạn rất thân với nhau. Mai học giỏi, còn Thảo thì học hành chưa được chăm chỉ, hay thiếu bài tập về nhà. Là cán bộ lớp, Mai báo cáo với cô giáo về tình hình chuẩn bị bài của lớp mình, nhưng lại không báo cáo với cô về tình hình của Thảo.

Trong việc này, ở lớp có các ý kiến khác nhau:

- Có ý kiến cho rằng, Mai làm như vậy thể hiện Mai là một người bạn tốt của Thảo.
- Một số ý kiến khác thì cho rằng, Mai làm như vậy là không nói đúng sự thật, cũng không tốt cho Thảo.

Câu hỏi:

a) Em đồng ý hay không đồng ý với ý kiến nào trên đây? Vì sao?

b) Nếu em là Mai, em sẽ làm gì? Vì sao?

d) Một số lưu ý

- Các tình huống đưa ra để HS xử lý, giải quyết cần thỏa mãn các yêu cầu sau:
 - + Phù hợp với chủ đề bài học GDĐĐ.
 - + Phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp 6 cả về độ khó và độ dài.
 - + Gắn gũi với cuộc sống thực của HS lớp 6.
 - + Tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.
- Có thể tổ chức cho các nhóm HS xử lý, giải quyết cùng một tình huống hoặc các tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.
- HS cần xác định rõ tình huống trước khi xử lý.
- Có thể sử dụng kỹ thuật động não để HS cả lớp liệt kê các phương án giải quyết có thể xảy ra, trước khi giao nhiệm vụ cho HS/nhóm HS xử lý, lựa chọn phương án giải quyết tối ưu.
- Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi HS/nhóm HS có thể giống hoặc khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh, cảm xúc và giá trị của các em.

3. Phương pháp giải quyết vấn đề

a) Đặc điểm

Phương pháp giải quyết vấn đề là phương pháp trong đó GV gợi mở để HS nêu lên một vấn đề, hoặc GV nêu lên một vấn đề có những mâu thuẫn của các hiện tượng đạo đức, pháp luật, kinh tế. GV giúp HS thảo luận, phân tích bản chất của vấn đề, tìm hiểu nguyên nhân và tìm ra giải pháp, biện pháp giải quyết mâu thuẫn của vấn đề đặt ra.

Mỗi vấn đề thường có nhiều cách giải quyết khác nhau, GV cần giúp HS phân tích ưu điểm và nhược điểm của mỗi phương pháp để tìm ra cách giải quyết tối ưu.

b) Cách tiến hành

- Nêu vấn đề: Tại sao trong HS hiện nay có hiện tượng nghiện game?
- Đặt HS vào hoàn cảnh giải quyết: Giả sử trong gia đình em có anh hay em, hoặc trong lớp em có bạn nghiện game, em sẽ đề xuất giải pháp nào?
- Giúp HS tìm hiểu những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng trên.
- Giúp HS nêu lên cách giải quyết vấn đề.
- Phân tích ưu, nhược điểm của các giải pháp.
- Quyết định chọn giải pháp tốt nhất.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy bài “Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”, GV giao HS làm bài tập 1 trong phần Luyện tập: Nghệ sĩ V bị một người sử dụng Facebook dùng lời lẽ xúc phạm danh dự trên trang Facebook của mình. Điều này đã dẫn đến sự phiền toái, thậm chí thiệt hại cho nghệ sĩ V, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của nghệ sĩ V.

Trong trường hợp này, nghệ sĩ V cần làm gì để bảo vệ danh dự, nhân phẩm của mình?

d) Một số lưu ý

- Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu và gắn với thực tế.
- Phải phát huy được tính độc lập, sáng tạo của HS.
- Cách giải quyết vấn đề phải là giải pháp hợp lý nhất.

4. Phương pháp đóng vai

a) Đặc điểm

Phương pháp đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được.

Phương pháp đóng vai thường gắn với phương pháp xử lý tình huống và có vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực: giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo,...

b) Cách thực hiện

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

- GV nêu chủ đề, chia nhóm và nêu tình huống, giao nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm. Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc một vài nhóm cùng đóng vai.
- GV cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai của mỗi nhóm.
- Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công đóng vai. Trong khi HS thảo luận và chuẩn bị đóng vai, GV nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ HS khi cần thiết.
- Các nhóm lên đóng vai.
- Thảo luận lớp: nhận xét về cách ứng xử, cách thể hiện của các vai diễn.
- GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã được đóng vai.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy bài “Yêu thương con người” GV có thể tổ chức cho HS đóng vai ứng xử trong tình huống sau:

Sau buổi học, Bình và Thân cùng đi bộ về nhà. Bỗng có một người phụ nữ lại gần hỏi thăm đường. Bình định dừng lại thì Thân kéo tay Bình: “Thôi mình về đi, muộn rồi, chỉ đường cho người khác không phải là việc của mình.”.

d) Một số lưu ý

- Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề bài học đạo đức, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS lớp 6 và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.
- Tình huống không nên quá dài và phức tạp.
- Tình huống phải có nhiều cách giải quyết.
- Tình huống cần để mở để HS tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho HS trước “kịch bản”, lời thoại.

- Phải dành thời gian phù hợp đủ cho HS thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.
- Các vai diễn nên để HS xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận.
- Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.
- Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của trò chơi đóng vai.

5. Phương pháp tổ chức trò chơi

a) Đặc điểm

Phương pháp tổ chức trò chơi là phương pháp dạy học mà trong đó, GV tổ chức cho HS tìm hiểu những vấn đề hay thể nghiệm những hành động, thái độ, việc làm thông qua một trò chơi nào đó.

Phương pháp tổ chức trò chơi rất có hiệu quả trong dạy học môn Giáo dục công dân, thông qua đó HS sẽ:

- Có cơ hội thể nghiệm những thái độ, hành vi tích cực của HS, qua đó hình thành được ở các em niềm tin vào những thái độ, hành vi tích cực, tạo ra động cơ bên trong cho những hành vi ứng xử trong cuộc sống.
- Được rèn luyện kỹ năng ra quyết định, lựa chọn cho mình cách ứng xử đúng đắn, phù hợp trong tình huống.
- Được hình thành năng lực quan sát, kỹ năng nhận xét, đánh giá hành vi.
- Được lĩnh hội các kiến thức, kỹ năng đạo đức và pháp luật một cách tự nhiên, nhẹ nhàng, sinh động; tạo hứng thú cho HS, giải trừ được những mệt mỏi, căng thẳng trong học tập.
- Được tăng cường tương tác với thầy cô giáo và HS với nhau trong quá trình học tập.

b) Cách thực hiện

- GV phổ biến để HS nắm được tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, thời gian, địa điểm chơi và một số yêu cầu cụ thể khác, nếu có.
- Tổ chức cho HS chơi thử, nếu cần thiết.
- Tổ chức cho HS tiến hành chơi thật.
- Sau khi trò chơi kết thúc, GV cùng HS tổng kết, đánh giá kết quả, xác định thứ hạng các đội chơi.

- Thảo luận về ý nghĩa của trò chơi, liên hệ trò chơi với nội dung bài học và mục tiêu đặt ra ban đầu.

c) Ví dụ minh họa

- Khi dạy bài 5 “Tự lập”, GV có thể tổ chức trò chơi “Trả lời nhanh” cho cả lớp để kiểm tra mức độ hiểu biết của HS về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trước khi vào bài học mới.

d) Một số lưu ý

- Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với chủ đề bài học, với đặc điểm và trình độ HS lớp 6, với quỹ thời gian, hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời phải không gây nguy hiểm cho HS.
- Phải quy định rõ thời gian, địa điểm chơi và các yêu cầu cần thiết khác cho HS trước khi chơi.
- HS phải nắm được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi.
- Trong quá trình chơi, HS có thể ồn ào, làm ảnh hưởng đến các lớp khác. Do vậy, GV cần nêu rõ yêu cầu giữ trật tự với HS trước khi chơi hoặc tổ chức cho HS chơi ở ngoài sân trường, tránh xa khu vực các lớp khác đang học.
- Phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, tạo điều kiện cho HS tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu: từ chuẩn bị, tiến hành trò chơi và đánh giá sau khi chơi.
- Trò chơi phải được luân phiên, thay đổi một cách hợp lí để không gây nhàm chán cho HS.
- Sau khi chơi, GV cần tổ chức cho HS thảo luận để nhận ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi, liên hệ với nội dung bài học và mục tiêu đặt ra.

6. Phương pháp dự án

a) Đặc điểm

Phương pháp dự án là phương pháp trong đó HS tự thiết kế các kế hoạch rèn luyện, học tập từ đơn giản đến phức tạp để HS chủ động tự hoàn thiện bản thân và rèn luyện các kĩ năng ứng xử cùng các kĩ năng khác nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục. Thông qua phương pháp dự án, HS được thực hành ngay những kiến thức, kĩ năng đã học; có cơ hội để rèn luyện các kĩ năng giao tiếp, quyết định, giải quyết vấn đề, nhận xét đánh giá.

b) Cách thực hiện

Chọn đề tài và xác định mục đích của dự án.

- Xây dựng đề cương, kế hoạch thực hiện dự án:
 - + Đối tượng của dự án;
 - + Những việc cần làm;
 - + Thời gian dự kiến;
 - + Người phụ trách mỗi công việc, người phối hợp;
 - + Các bước thực hiện dự án.
- Triển khai thực hiện dự án: Các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho cả nhóm và cho mỗi cá nhân.
- Đánh giá dự án:
 - + Đánh giá quá trình thực hiện;
 - + Kết quả đạt được;
 - + Rút kinh nghiệm.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy bài 8 “Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên”, GV có thể giao HS lập dự án tuyên truyền về phòng ngừa tai nạn do các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên ở địa phương em đang sống.

d) Một số lưu ý

- Nội dung dự án phải phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi và điều kiện thực hiện của HS.
- Mục đích dự án phải rõ ràng và có tính thực tiễn, tính khả thi.
- Cần tạo cơ hội để thu hút sự tham gia của HS trong dự án.
- Vấn đề đặt ra để HS thiết kế dự án phải rõ ràng, tránh những vấn đề quá phức tạp.
- Phải quy định thời hạn hoàn thành dự án.
- Nên để HS tự thiết kế, sau đó trao đổi trong nhóm để rút kinh nghiệm, bổ sung cho nhau, tạo thành bản thiết kế tốt nhất.
- Các nhóm báo cáo việc thực hiện dự án trước lớp.

V – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học môn GDCCD cho HS. Việc đánh giá kết quả học tập môn GDCCD theo tinh thần đổi mới hướng tới mục đích chủ yếu của kiểm tra, đánh giá là nhằm đánh giá khả năng tư duy, năng lực của HS theo các yêu cầu về năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học, khả năng vận dụng kiến thức của HS vào đời sống thực tiễn; đánh giá thái độ của học sinh trước các hiện tượng, vấn đề đạo đức, pháp luật trong đời sống xã hội xung quanh.

Khi chuyển từ đánh giá theo chuẩn kiến thức, kĩ năng sang đánh giá theo năng lực, GV cần nhận ra được khả năng tiềm ẩn của HS, không chỉ đánh giá cái mà HS “biết” mà cần đánh giá những gì HS “làm”; quan tâm nhiều hơn đến sự tiến bộ và mức độ năng lực của mỗi cá nhân được bộc lộ trong quá trình học tập, qua đó có sự điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp. Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực lấy kết quả đầu ra và các phương diện biểu hiện làm mục tiêu.

Đánh giá kết quả giáo dục phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1/ Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập xây dựng kế hoạch, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

Chú trọng sử dụng các bài tập tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HS được thể hiện phẩm chất và năng lực.

Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của GV, HS, gia đình và các tổ chức xã hội.

2/ Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của học sinh.

3/ Kết quả đánh giá sau mỗi học kì và cả năm học đối với mỗi học sinh là kết quả tổng hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bài 3

SIÊNG NĂNG, KIÊN TRÌ

I – MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm siêng năng, kiên trì; biểu hiện của siêng năng, kiên trì.
- Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.

2. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động; kiên trì thực hiện mục tiêu học tập.
- *Điều chỉnh hành vi*: Tự đánh giá mức độ siêng năng, kiên trì của bản thân, qua đó điều chỉnh tính siêng năng tham gia các hoạt động học tập ở lớp, ở nhà, trong lao động và trong cuộc sống hằng ngày.
- *Phát triển bản thân*: Kiên trì mục tiêu, thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện tính kiên trì trong cuộc sống.
- *Tư duy phê phán*: Đánh giá, phê phán được những hành vi lười biếng, ỷ lại trong học tập, trốn tránh công việc, hay nản lòng trong học tập, lao động và trong cuộc sống.
- *Hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia giải quyết nhiệm vụ học tập, trả lời các câu hỏi trong bài học.

3. Về phẩm chất

- *Chăm chỉ*: Quý trọng, ủng hộ những người siêng năng, kiên trì trong học tập và lao động.
- *Trách nhiệm*: Tích cực hoàn thành nhiệm vụ học tập, lao động.

II – THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Các video clip liên quan đến bài học;

- Tranh ảnh về nội dung bài học;
- Phiếu học tập;
- Phương tiện thiết bị: máy chiếu, máy tính, bảng phụ,... (nếu có);
- Giấy khổ lớn các loại.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

HS bước đầu nhận biết về tính cách làm việc siêng năng, kiên trì để chuẩn bị vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS cả lớp quan sát hình ảnh và nêu biểu hiện của hai bạn trong hình ảnh.
- HS quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi.
- GV tóm tắt ý kiến của HS về hai hình ảnh:
 - + Hình 1: Bạn nam không chịu suy nghĩ, bỏ dở bài tập.
 - + Hình 2: Bạn nữ kiên trì suy nghĩ, quyết tâm làm bài tập.
- GV giới thiệu bài học mới “Siêng năng, kiên trì”.



KHÁM PHÁ

1. Hoạt động 2: Tìm hiểu khái niệm siêng năng, kiên trì

a) Mục tiêu

- HS nêu được thế nào là siêng năng, kiên trì.
- HS được phát triển năng lực phát triển bản thân và năng lực tư duy phê phán.

b) Tổ chức thực hiện

- GV tổ chức cho HS hoạt động “Đọc thông tin và trả lời câu hỏi”.
- GV giao nhiệm vụ từng HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trang 15, 16 SGK và thảo luận nhóm lần lượt theo các câu hỏi:

a) Vì sao Rô-bi vẫn tiếp tục luyện tập, dù không được mẹ đưa đến lớp?

b) Điều gì giúp Rô-bi thành công trong buổi biểu diễn âm nhạc?

c) Em hiểu thế nào là siêng năng, kiên trì?

– HS:

+ Làm việc cá nhân: Đọc thông tin trang 15, 16 SGK *Giáo dục công dân 6*.

+ Thảo luận nhóm theo ba câu hỏi nêu trên.

– HS các nhóm trình bày câu trả lời.

– Sản phẩm làm việc của HS:

HS cần nêu được:

1) Dù không được mẹ đưa đến lớp học đàn dương cầm, nhưng Rô-bi vẫn tiếp tục luyện tập vì bạn quyết tâm phần đầu để chơi được đàn dương cầm.

2) Rô-bi thành công trong buổi biểu diễn vì đã chịu khó, miệt mài luyện tập đánh đàn một cách liên tục, không bỏ dở giữa chừng.

3) Khái niệm siêng năng, kiên trì:

– Siêng năng là tính cách làm việc tự giác, cần cù, chịu khó, thường xuyên của con người.

– Kiên trì là tính cách làm việc miệt mài, quyết tâm giữ và thực hiện ý định đến cùng, dù gặp khó khăn, trở ngại cũng không nản chí.

– GV hướng dẫn HS kết luận về khái niệm siêng năng, kiên trì:

+ Siêng năng là tính cách làm việc tự giác, cần cù, chịu khó, thường xuyên của con người.

+ Kiên trì là tính cách làm việc miệt mài, quyết tâm giữ và thực hiện ý định đến cùng, dù gặp khó khăn, trở ngại cũng không nản chí.

Hoạt động 3: Tìm biểu hiện của siêng năng, kiên trì

a) Mục tiêu

– HS nêu được các biểu hiện của siêng năng, kiên trì.

– HS được phát triển năng lực phát triển bản thân.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ HS quan sát cá nhân các hình ảnh 1, 2, 3, 4 trong SGK; thảo luận nhóm theo các câu hỏi:

a) Các nhân vật trong mỗi hình ảnh trên đã làm việc như thế nào?

b) Tính siêng năng, kiên trì được biểu hiện như thế nào trong học tập, lao động và trong cuộc sống?

– HS làm việc theo nhóm.

- GV mời đại diện các nhóm phát biểu; các nhóm khác bổ sung.
- Sản phẩm làm việc của HS:

HS nêu được:

- 1) Các nhân vật trong mỗi hình ảnh trên đã làm việc chăm chỉ, miệt mài, thường xuyên, kiên trì, với quyết tâm cao:
 - + Hình 1: HS chăm chỉ lao động trồng rau ngoài giờ học.
 - + Hình 2: Bạn HS nữ kiên trì, quyết tâm làm bài tập.
 - + Hình 3: Những người nông dân miệt mài lao động trên cánh đồng.
 - + Hình 4: Bác nông dân chăm chỉ, thường xuyên chăm sóc vườn cây.

Như vậy, các nhân vật trong các hình ảnh trên đã làm việc một cách siêng năng, kiên trì.

- 2) Tính siêng năng, kiên trì được biểu hiện trong học tập, lao động và trong cuộc sống:
 - + Trong học tập: Đi học đều, làm bài tập đầy đủ, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập ở lớp, gặp bài khó không nản lòng,...
 - + Trong lao động: Chăm chỉ làm các công việc trong gia đình phù hợp với lứa tuổi.
 - + Trong cuộc sống hằng ngày: Tích cực tham gia các hoạt động xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức.
- GV hướng dẫn HS kết luận biểu hiện của siêng năng, kiên trì (trang 17 SGK).

Hoạt động 4: Tìm hiểu ý nghĩa của siêng năng, kiên trì

a) Mục tiêu

- HS nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.
- HS phát triển được năng lực tư duy phê phán.

b) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức hoạt động “Đọc thông tin và trả lời câu hỏi”.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin theo cá nhân về Tho-mát Ê-đi-xon và thảo luận theo nhóm:

a) *Qua thông tin trên, theo em siêng năng, kiên trì đã mang lại kết quả gì cho Ê-đi-xon?*

b) *Siêng năng, kiên trì có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân và xã hội?*

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận theo hai câu hỏi trên.

- Các nhóm khác góp ý bổ sung, hoàn thiện.
- Sản phẩm làm việc của HS:

HS nêu được:

- 1) Nhờ tính cách siêng năng làm việc miệt mài, liên tục, dù phải qua nhiều lần thất bại, nhưng với sự quyết tâm, không nản chí, không lùi bước trước khó khăn mà Ê-đi-xơn đã nghiên cứu thành công bóng đèn điện, mang lại ánh sáng đầu tiên cho toàn thể nhân loại.
- 2) Người siêng năng, kiên trì sẽ thành công trong mọi công việc, từ đó mà có được hạnh phúc trong cuộc sống.
 - GV hướng dẫn HS kết luận về ý nghĩa của siêng năng, kiên trì: Siêng năng, kiên trì giúp con người thành công, hạnh phúc trong cuộc sống.



LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Luyện tập, củng cố

a) Mục tiêu

- HS luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong phần Khám phá.
- HS phát triển được năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS làm các bài tập trong SGK trên lớp và ở nhà theo cá nhân và theo nhóm.
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời một số HS đại diện các nhóm trả lời các câu hỏi, bài tập.
- GV kết luận, gợi ý các bài tập khó:

Bài tập 1: Có người cho rằng, siêng năng, kiên trì là nguồn gốc và điều kiện để dẫn đến thành công. Em đồng ý hay không đồng ý với ý kiến trên? Vì sao?

HS cần nêu được: Làm việc gì cũng cần siêng năng, kiên trì. Người siêng năng, kiên trì không nản chí, không bỏ dở công việc giữa chừng, mà miệt mài, chăm chỉ, quyết tâm làm việc, kiên trì thực hiện mục tiêu đề ra, nhờ đó mà thành công trong học tập, lao động và trong cuộc sống.

Bài tập 5: Em hiểu thế nào về câu nói “Có công mài sắt có ngày nên kim”?

HS cần nêu được: Người siêng năng, chăm chỉ, kiên trì, quyết tâm phấn đấu sẽ hoàn thành được nhiệm vụ, đạt được nguyện vọng của mình.



VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Vận dụng

a) Mục tiêu

Hình thành và phát triển ở HS năng lực điều chỉnh hành vi và năng lực phát triển bản thân.

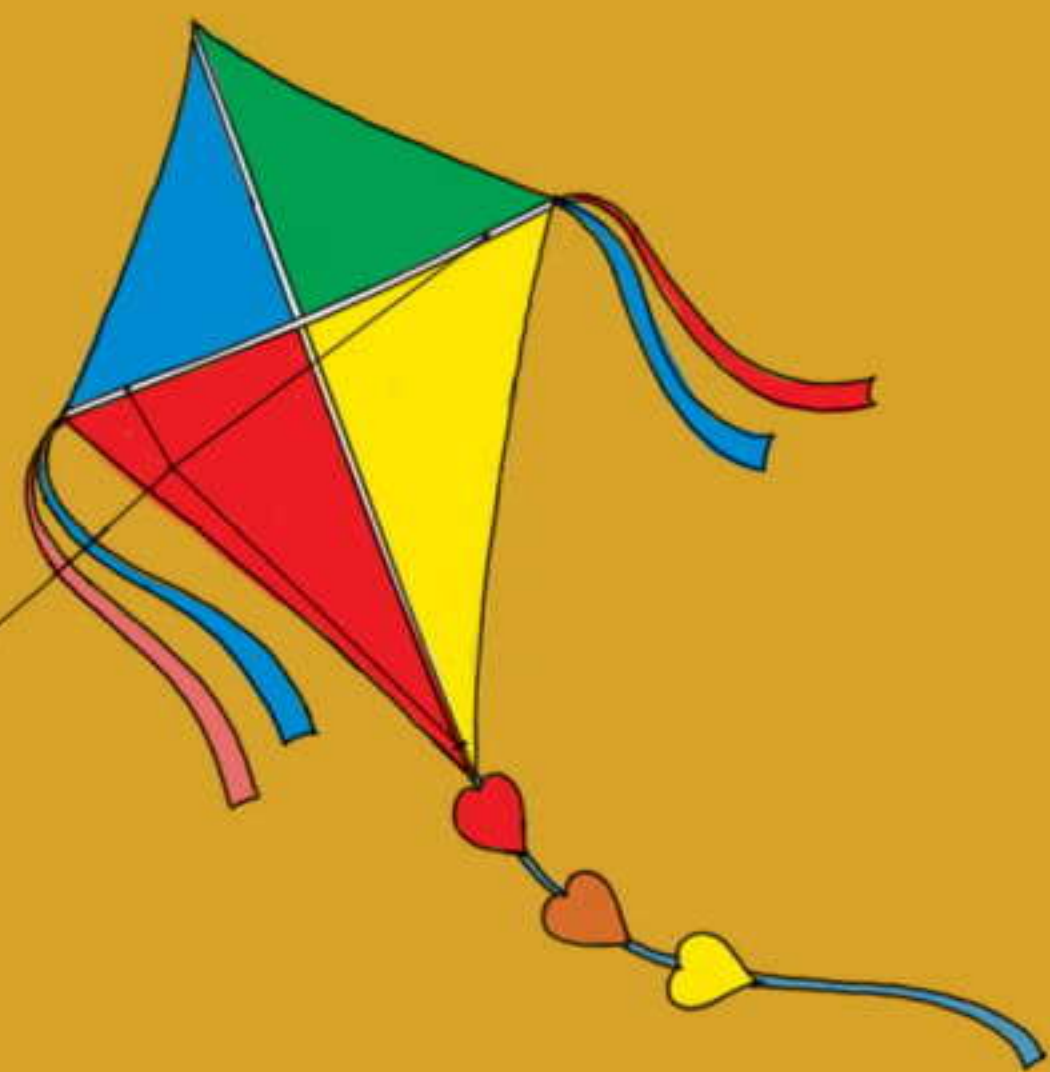
b) Tổ chức hoạt động

Bài tập vận dụng 1: GV giao nhiệm vụ cho một HS lập bản cam kết, HS cả lớp đăng kí tham gia; đồng thời giao nhiệm vụ cho một số em theo dõi việc thực hiện cam kết của HS trong lớp; cuối mỗi tuần thống kê, tổng kết xem ai là người kiên trì thực hiện đúng cam kết.

Bài tập vận dụng 2: GV giao nhiệm vụ cho HS trong lớp lập kế hoạch cá nhân rèn luyện tính siêng năng, kiên trì và tự đánh giá việc rèn luyện của bản thân theo từng tuần, từng tháng.

Cánh Diều

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6 **Cánh Diều**

1. Ngữ văn 6 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 6 (Tập một, Tập hai)
3. Giáo dục công dân 6
4. Lịch sử và Địa lí 6
5. Khoa học tự nhiên 6
6. Công nghệ 6
7. Tin học 6
8. Giáo dục thể chất 6
9. Âm nhạc 6
10. Mỹ thuật 6
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
12. Tiếng Anh 6 Explore English

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 6 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



TEM CHỐNG GIẢ

Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập
trang web: <https://canhdiều.monkey.edu.vn>

ISBN: 978-604-309-615-6



9 786043 096156